

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc

Bản án số: 63/2024/HS-ST

Ngày: 25-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thành

2. Ông Lưu Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Thạch-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Minh Tâm -Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Trần Anh T - Sinh năm 1995 tại tỉnh Nghệ An; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Trần Văn M và bà Trần Thị L; Bị cáo không có vợ và có 02 con sinh năm 2018 và năm 2020 trú tại thôn Đ, xã A, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Ngày 25-4-2014, bị Toà án nhân dân thành phố Kon Tum tỉnh Kon Tum tuyên án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo Bản án số 40/2014/HS-ST (đã xoá án tích)

Ngày 24-11-2016 bị Công an huyện M, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau bằng hình thức phạt tiền theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPHC ngày 24-11/2016 (đã xoá tiền sự); Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 19-11-2023, 13-4-2024 và 17-4-2024 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 07-4-2024 bị khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 30-5-2024 bị bắt theo lệnh truy nã và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. B - Sinh năm 1990 tại tỉnh Gia Lai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông C (đã chết) và bà B1; Bị cáo có vợ tên là B2 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Vào tháng 3/2024 và ngày 17-4-2024, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 26-7-2024 bị khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại, hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn E, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn E, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Nguyễn Thiện T2, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Hồ Triệu H1, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

5. Vũ Thị H2, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. K, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Trịnh Thị Kim A, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-*Người phiên dịch:* Ông A1 - Cán bộ hưu trí. Địa chỉ: Thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 19-11-2023 đến ngày 17-4-2024, Trần Anh T, B và K đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thị trấn Đ, xã K, xã Đ và xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào tháng 11/2023, Trần Anh T được ông Nguyễn Văn H thuê làm rẫy và ở lại tại nhà của ông H. Vào khoảng 21 giờ 00 ngày 18-11-2023, Trần Anh T điều khiển xe mô tô biển số 81F6-1029 đến nhà rẫy của ông H thuộc thôn N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, để cùng ăn uống với Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thanh P cùng trú tại ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang, là người làm thuê cho ông H. Xe mô tô trên là của ông Nguyễn Văn H, để tại nhà và Trần Anh T đã tự sử dụng khi ông H không có ở nhà. Đến khoảng 21 giờ 30 phút thì anh P và anh T3 đi ngủ trước, T1 và T tiếp tục uống rượu đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì anh T1 đi ngủ, trước khi ngủ anh T1

cắm dây điện sạc pin thoại nhãn hiệu OPPO A53 và đặt trên nóc tủ, lúc này, T vẫn còn ngồi chơi tại phòng khách. Đến khoảng 03 giờ 00 ngày 19-11-2023, Trần Anh T thấy mọi người tại nhà rầy đều đang ngủ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, vì vậy, T đã lấy trộm điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 của anh Nguyễn Văn T1 cùng với xe mô tô biển số 81F6-1029 của ông Nguyễn Văn H rồi điều khiển xe đi về hướng thành phố P. Cùng ngày 19-11-2023, Trần Anh T điều khiển xe mô tô trên đến huyện C, tỉnh Gia Lai rồi bán điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 cho anh Hồ Sỹ Hải A2 tại Cửa hàng Đ thuộc thôn H, xã B huyện C, tỉnh Gia Lai, lấy số tiền 1.500.000đ. Đến ngày 20-11-2023, T bán xe mô tô biển số 81F6- 1029 cho anh Hồ Sỹ D tại Cửa hàng S thuộc Thôn D, xã G, thành phố P, tỉnh Gia Lai, lấy số tiền 2.000.000đ, tiền bán tài sản trộm cắp T đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với điện thoại di động và xe mô tô trên, những người mua lại tài sản đều không biết đây là do Trần Anh T phạm tội mà có và đã bán lại cho người khác không rõ lai lịch nên không thu hồi được. Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS, ngày 15-3-2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, xác định điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 bị trộm cắp trị giá 2.500.000đ, xe mô tô biển số 81F6-1029 bị trộm cắp trị giá 2.500.000đ.

Lần thứ hai: Vào khoảng cuối tháng 3/2024, khi đang điều khiển xe mô tô không gắn biển số (số khung RLCS5C640BY660435, số máy 5C64660448) đi ngang qua thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, thì xe hết xăng nên B đi vào nhà của anh Hồ Triệu H1 ở bên đường, để hỏi xin xăng. Tuy nhiên không có ai ở nhà nên B dắt bộ xe mô tô về nhà mẹ tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Sau đó, B nảy sinh ý định trộm cắp máy cắt cỏ nhìn thấy trong nhà anh H1 lúc vào nhà hỏi xin xăng nên vào khoảng 18 giờ 00 cùng ngày, B điều khiển xe mô tô trên quay lại nhà rầy của anh Hồ Triệu H1 để lấy trộm. Lúc đến nơi, thì B thấy cửa nhà đang khoá và không có người trông coi. B dùng một cái búa (tìm được ở phía sau nhà) để đập khoá cửa, sau khi phá được ổ khoá B đi vào nhà rầy lấy trộm một máy cắt cỏ nhãn hiệu HUSQVARNA, công suất 1,2kW rồi đưa lên xe chở về chòi rầy của mình tại làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và ngủ tại đây. Đến sáng ngày hôm sau, B chở máy cắt cỏ đi đến xã H rồi bán máy cắt cỏ trên cho một người đàn ông gặp trên đường lấy số tiền 400.000đ và đã tiêu xài cá nhân hết. Bại không biết lai lịch người mua lại máy cắt cỏ nên không thu hồi được tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 81/KL-HĐĐGTS, ngày 24-7-2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định một máy cắt cỏ nhãn hiệu HUSQVARNA, công suất 1,2KW bị trộm cắp trị giá 2.000.000đ.

Lần thứ ba: Vào ngày 12-4-2024, do có quen biết từ trước nên K rủ B và Trần Anh T đến nhà mẹ vợ của K tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để ăn uống. Đến khoảng 23 giờ 00 cùng ngày, B đi ngủ trước còn T và K tiếp tục uống rượu. Sau đó, đến khoảng 02 giờ 00 ngày 13-4-2024, K rủ T đi trộm cắp máy bơm nước ở rầy cà phê của bà Vũ Thị H2 ở gần nhà mẹ vợ Khon, thì T đồng ý. K và T đi bộ đến hồ nước trong rầy của bà H2 rồi cùng nhau kéo máy bơm lên (máy bơm có nhãn hiệu TD, 2.5 HP) và khiêng về nhà mẹ vợ K rồi gọi B dậy. Khi B tỉnh dậy nhìn thấy máy bơm nên đã hỏi máy bơm ở đâu có thì K trả lời “*mới lấy trộm ở đằng kia*”. Tiếp đến, K và B khiêng máy bơm lên xe mô tô của B (xe không gắn biển số, số khung RLCS5C640BY660435, số máy 5C64660448) rồi T điều khiển xe chở cả ba cùng máy bơm nước về phía rầy cà phê của Nông trường cà phê Đak Krong thuộc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, ngủ tạm cho đến sáng. Đến khoảng

07 giờ 00 ngày 13-4-2024, T chở máy bơm đến Cửa hàng M1 thuộc Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, bán cho chị Khương Thị T4 lấy số tiền 500.000đ. Sau đó, T chia đều cho T, B và K mỗi người 150.000đ, còn 50.000đ thì sử dụng để đổ xăng cho xe mô tô của B, số tiền trên cả ba đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với máy bơm nước trên, chị Khương Thị T4 không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có và đã bán lại cho người khác không rõ lai lịch nên không thu hồi được. Tại Kết luận định giá tài sản số 81/KL-HĐĐGTS ngày 24-7-2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, xác định máy bơm nước có nhãn hiệu TD, 2.5 HP bị trộm cắp trị giá 1.000.000đ.

Lần thứ tư: Vào khoảng 15 giờ 00 ngày 17-4-2024, B nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài nên đã điều khiển xe mô tô không gắn biển số (số khung RLCS5C640BY660435, số máy 5C64660448) đi dọc theo đường liên xã K tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Trên đường đi, B gặp Trần Anh T nên rủ T cùng đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Khi B điều khiển xe mô tô chở T đi đến khu vực thôn K, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, thì thấy một xe máy mướm của anh Nguyễn Thiện T2, không có người trông coi nên B nói với T đợi đến buổi tối để trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Tiếp đến, B và T ngồi đợi trong rẫy cà phê gần đó đến khoảng 20 giờ 00 cùng ngày thì cả hai tiếp cận xe máy mướm nói trên. T vào buồng lái thấy có một cây kim loại dài khoảng 30cm nên lấy đưa cho B để B cạy thùng chứa bình ắc quy ra và lấy trộm 02 bình ắc quy nhãn hiệu Dongnai, 12V, 85A. Cả hai mang 02 bình ắc quy đến rẫy cà phê ngồi đợi ban đầu rồi ngủ qua đêm tại đây. Đến khoảng 05 giờ ngày 18-4-2024, T một mình điều khiển xe mô tô chở 02 bình ắc quy đến một cửa hàng thu mua phế liệu tại thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai bán cho chị Trịnh Thị Kim A lấy số tiền 840.000đ rồi quay lại xã K đón B và chia cho B số tiền 420.000đ, số tiền trên cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, chị Trịnh Thị Kim A mới biết 02 bình ắc quy trên là tài sản do trộm cắp mà có nên đã tự nguyện giao nộp lại. Tại Kết luận định giá tài sản số 81/KL-HĐĐGTS ngày 24-7-2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, xác định 02 bình ắc quy có nhãn hiệu Dongnai, 12V, 85A bị trộm cắp trị giá 3.700.000đ.

*** Về vật chứng:**

- Đối với 02 bình ắc quy có nhãn hiệu Dongnai, 12V, 85A, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của anh Nguyễn Thiện T2 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T2.

- Đối với xe mô tô xe mô tô không gắn biển số có số khung RLCS5C640BY660435, số máy 5C64660448, quá trình điều tra xác định chiếc xe thuộc sở hữu của bà B1 (Sinh năm 1967, trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai), mẹ của B. Việc B sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội bà B1 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô trên cho bà B1.

*** Về dân sự:**

- Anh Nguyễn Thiện T2 đã nhận tại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường nào khác.

- Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Trần Anh T bồi thường số tiền 8.000.000đ. Anh Nguyễn Văn T1 yêu cầu Trần Anh T bồi thường số tiền 2.500.000đ.

- Anh Hồ Triệu H1 yêu cầu B3 bồi thường 5.500.000 đồng

- Bà Vũ Thị H2 yêu cầu Trần Anh T, K, B bồi thường số tiền 2.000.000đ.
- Chị Trịnh Thị Kim A yêu cầu Trần Anh T và B bồi thường 840.000 đồng.

Hiện Trần Anh T, K, B chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 28-8-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Anh T và B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Anh T với mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Xử phạt bị cáo B 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về dân sự: Áp dụng Điều 584; Khoản 1 Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị:

- Buộc bị cáo Trần Anh T phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 8.000.000đ, bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 2.500.000đ.

- Buộc bị cáo B phải bồi thường cho anh Hồ Triệu H1 số tiền 5.500.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Trần Anh T, K và B phải liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị H2 số tiền 2.000.000đ.

- Buộc bị cáo Trần Anh T và B phải bồi thường cho chị Trịnh Thị Kim A số tiền 840.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Trong thời gian từ ngày 19-11-2023 đến ngày 17-4-2024, Trần Anh T, B và đối tượng K đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai, trong đó: Trần Anh T một lần trộm cắp tài sản trị giá 5.000.000đ, Bai một lần trộm cắp tài sản trị giá 2.000.000đ, Trần Anh T và Khon một lần trộm cắp tài sản trị giá 1.000.000đ, Trần Anh T và Bai một lần trộm cắp tài sản trị giá 3.700.000đ.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do Trần Anh T và B thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Bị cáo Trần Anh T đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 02 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 8.700.000đ. Bị cáo B đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó cả 02 lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 5.700.000đ. vì vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Các bị cáo phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội 02 lần trở lên. phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[5]. Về dân sự:

- Anh Nguyễn Thiện T2 đã nhận tại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Ông Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo Trần Anh T bồi thường số tiền 8.000.000đ. Anh Nguyễn Văn T1 yêu cầu bị cáo Trần Anh T bồi thường số tiền 2.500.000đ.

- Anh Hồ Triệu H1 yêu cầu bị cáo B bồi thường 5.500.000 đồng.

- Bà Vũ Thị H2 yêu cầu bị cáo Trần Anh T, bị cáo B và anh K bồi thường số tiền 2.000.000đ.

- Chị Trịnh Thị Kim A yêu cầu bị cáo Trần Anh T và bị cáo B bồi thường 840.000 đồng.

Xét, yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chính đáng, tại phiên tòa, các bị cáo Trần Anh T, B và anh K đã đồng ý bồi thường. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về vấn đề khác:

Đối với hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do Trần Anh T và K thực hiện vào ngày 13-4-2024, tài sản bị trộm cắp trị giá dưới 2.000.000đ và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên hành vi của T và K không cấu thành tội phạm “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, hành vi giúp sức của B khi vận chuyển máy bơm nước cũng không cấu thành tội phạm “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không có căn cứ xử lý hình sự đối với K và B về hành vi nêu trên.

Đối với anh Hồ Sỹ Hải A2, anh Hồ Sỹ D, chị Khương Thị T4, chị Trịnh Thị Kim A là những người đã mua lại tài sản trộm cắp, nhưng những người trên đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Anh T và B phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Anh T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 30-5-2024).

Xử phạt bị cáo B 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Cơ sở giam giữ chấp hành án.

2. *Về dân sự:* Áp dụng Điều 584; Khoản 1 Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Trần Anh T phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 8.000.000 đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 2.500.000 đồng.

- Buộc bị cáo B phải bồi thường cho anh Hồ Triệu H1 số tiền 5.500.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Trần Anh T, B mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Vũ Thị H2 số tiền 667.000 đồng. Buộc anh K phải bồi thường cho bà Vũ Thị H2 số tiền 666.000 đồng

- Buộc bị cáo Trần Anh T và B mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Trịnh Thị Kim A số tiền 420.000 đồng.

3. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Trần Anh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 579.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 329.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên